TÒA ÁN NHÂN DÂN T2 PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 920/2022/HS-PT
Ngày: 29/9/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN T2 PHỐ HÀ NỘI

- T2 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Hiếu

Thẩm phán: Ông Phan Huy Cương

Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Nhã

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Minh Chính – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 360/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 05 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án hình sự ra xét xử phúc thẩm số 556/2022/QĐXXPT-HS ngày 5/9/2022 đối với bị cáo Nguyễn Đình T do có kháng cáo của bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HSST ngày 12/04/2022 của Tòa án Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- *Bị cáo bị kháng cáo*: **Nguyễn Đình T** sinh năm 1980; Nơi thường trú và nơi ở: Thôn NA, xã LN, huyện TT, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa:12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là Nguyễn Đình M (đã chết); Mẹ là Đặng Thị T; Vợ là Văn Thị Lan V; Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam ngày 26/8/2021. Hiện đang giam tại trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Bị hại kháng cáo*: Ông Duy Đức T1 sinh năm 1974. Trú tại : 26 VP, phường NK, quận BĐ, Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền cho bị hại: Ông Hoàng Thanh B sinh năm 1982; Đăng ký thường trú: Số nhà X ngõ Y đường TKC, phường TN, quận HBT, thành phố Hà Nội (Theo giấy ủy quyền ngày 13/12/2021). Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Văn Thị Lan V- sinh năm

1980. Trú tại Thôn NA, xã LN, huyện TT, Hà Nội. Có mặt.

- *Viện kiểm sát có kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình T là giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Khải Bảo địa chỉ thôn NA, xã LN, huyện TT, Hà Nội. Khoảng tháng 6/ 2016 T mua ô tô Nisan Navara BKS 29H- 020.79, đăng ký tên Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Khải Bảo.

Ngày 22/01/2020, tại nhà ông Duy Đức T1 số X, VP, NK, BĐ, Hà Nội, Nguyễn Đình T và ông Duy Đức T1 ký hợp đồng mua bán xe ô tô Nisan Navara BKS 29H- 020.79 nêu trên. Theo hợp đồng, T bán xe cho ông T1 giá 300.000.000 đồng. Trước đó, vào ngày 06/9/2019, T đặt chiếc xe trên cho ông Đặng Hoàng T (Sinh năm 1978, HKTT: P220 nhà B tập thể Ngân hàng phường TN, HBT, Hà Nội) để vay 250.000.000 đồng. Ngày 22/01/2020 T gọi điện thoại cho ông Đặng Hoàng T2, thông báo có ông T1 đến trả tiền cho ông T2 và lấy xe. Sau đó, ông T1 đến gặp ông T2 tại quán nước 478 đường Xã Đàn, Đống Đa, Hà Nội, ông T1 trả cho ông T2 282.000.000 đồng (gồm 250.000.000 đồng tiền gốc và 32.000.000 đồng tiền lãi). Ông T2 giao cho ông T1 xe ô tô cùng 01 chìa khoá xe, 01 đăng ký xe, 01 đăng kiểm của xe, còn 01 chìa khoá T giữ. Tối ngày 22/01/2020 ông T1 trả trực tiếp cho T 18.000.000 đồng. Khoảng cuối tháng 01/2020 ông T1 cho T mượn lại xe ô tô để đi lại dịp tết nguyên đán. Giữa tháng 02/2020 T chính thức giao lại xe ô tô cho ông T1 cùng 01 chìa khoá xe, 01 đăng ký xe, 01 đăng kiểm, ông T1 sử dụng xe ô tô từ đó (ông T1 chưa làm thủ tục sang tên).

Sáng ngày 04/9/2020 khi ông T1 để xe ô tô trước cửa nhà số X VP, BĐ, Hà Nội thì T một mình đi xe máy đến, gửi xe máy tại trước cổng trường ĐH Giao thông vận tải rồi quan sát xung quanh thấy nhà ông T1 khoá cửa, không ai để ý, T đã dùng chìa khoá xe còn giữ mở khoá xe nổ máy điều khiển xe đến bãi xe trong khu đô thị số 234 đường Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm gửi. Ngày 13/9/2020 T lấy xe ô tô đem đến X đường NX đặt xe cho ông Nguyễn Xuân K - Sinh năm 1976, địa chỉ: Căn hộ D2004 Khu DVVP nhà ở VĐ Complex, ngõ X KDT, P. NC, TX, Hà Nội để vay 250.000.000 đồng.

Sau nhiều lần không trả nợ đúng hẹn cho ông K, ngày 14/3/2021 T làm giấy uỷ quyền cho ông K bán chiếc ô tô trên để thu hồi nợ. Các giấy tờ xe T bàn giao cho ông K gồm 01 đăng ký xe ô tô bản chính (do T báo mất và xin cấp lại vào tháng 10/2020), 01 bảo hiểm TNDS do T mua mới, 01 đăng kiểm xe ô tô do ông T1 đi đăng kiểm và để trong cốp xe. Ngoài ra T làm hợp đồng bán xe ô tô T ký ở phần người bán, để trống thông tin phần người mua.

Ngày 16/4/2021 ông K cần bán xe nên đã yêu cầu T cung cấp cho ông K các giấy tờ:

- 01 hoá đơn giá trị gia tăng đối với xe ô tô trên (ngày ký 10/01/2020)
- 01 quyết định về việc thanh lý tài sản cố định (ngày ký 03/01/2020)
- 01 biên bản thanh lý tài sản cố định (ngày ký 06/01/2020)
- 01 bản cam kết nội dung: anh T phải có trách nhiệm về việc sở hữu hợp pháp chiếc xe trên, không cầm cố, không bị cơ quan nào thu hồi, không làm ảnh hưởng đến bên mua.
- 01 Hợp đồng mua bán xe để trống ngày, tháng của năm 2021.

Ngày 12/5/2021 ông K bán chiếc ô tô trên cho ông Bùi Xuân T3 - Sinh năm 1974, HKTT: thôn X, PS, NQ, Ninh Bình giá 280 triệu đồng. Ông K giao xe cho ông T3 cùng 01 chìa khoá xe và các giấy tờ liên quan gồm: 01 đăng ký xe, 01 đăng kiểm xe, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự, 01 quyết định thanh lý, 01 biên bản thanh lý tài sản, 01 hoá đơn giá trị gia tăng, 01 hợp đồng mua bán xe giữa ông K và ông T. Tất cả đều là bản chính.

Khoảng 14 giờ ngày 07/6/2021 ông Ph mượn xe ô tô Nissan Navara BKS 29H-020.79 của ông Bùi Xuân T đi giải quyết công việc. Khi ông P đỗ xe tại đường Nguyễn Văn Huyên, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy thì bị Công an quận Ba Đình phát hiện, yêu cầu đưa xe về trụ sở và lập biên bản thu giữ chiếc xe ô tô trên. Ngoài chiếc xe ô tô trên, Công an còn thu giữ của ông P: 01 chìa khoá xe, 01 đăng ký xe (bản chính cấp lại), 01 giấy chứng nhận kiểm định xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS, 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại HBO QN.

Vật chứng thu giữ:

*Thu giữ của ông Duy Đức T1:

- 01 hợp đồng mua bán xe ô tô Nisan NP 300 Navara, màu nâu, BKS 29H020.79 (bên mua: ông Duy Đức T1, bên bán: Cty Cổ phần TVTK và XD Khải Bảo) lập ngày 22/01/2020 (Bản gốc phục vụ giám định).
- 01 hợp đồng mua bán xe ô tô BKS 29H-020.79 (bên mua: ông Đặng Hoàng T2, bên bán: Cty Cổ phần TVTK và XD Khải Bảo) lập ngày 06/9/2019, mặt sau của hợp đồng có nội dung viết tay thể hiện việc anh Đặng Hoàng T2 đã nhận đủ số tiền đặt cọc mua xe từ anh Duy Đức T1 và có ký tên xác nhận của anh Đặng Hoàng T2. (bản phô tô).
- 01 đăng ký xe ô tô BKS 29H-020.79 lần đầu (bản phô tô)

* Thu giữ của bà Văn Thị Lan V – SN 1980 (vợ bị can Nguyễn Đình T):

- 01 con dấu của Công ty Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Khải Bảo (để giám định).

* Thu giữ của ông Nguyễn Xuân Khẩn:

- 01 giấy vay tiền giữa Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Xuân K, ngày ký 13/9/2020.
- 01 giấy vay tiền giữa Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Xuân K, ngày ký

13/10/2020.

- 01 giấy vay tiền giữa Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Xuân K, ngày ký 13/12/2020.

- 01 giấy uỷ quyền giữa Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Xuân K, ngày ký 14/3/2021.

- 01 hợp đồng mua bán, bên bán Nguyễn Đình T, bên mua để trống, ngày ký 14/3/2021.

- 01 hợp đồng mua bán giữa Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Xuân K, ngày ký để trống.

- 01 hợp đồng mua bán giữa Nguyễn Đình T và ông Nguyễn Xuân K, ngày ký 10/01/2020.

*Thu giữ của ông Bùi Xuân T3:

- 01 giấy mua bán xe ô tô Nisan NP 300 Navara, BKS 29H-202.79 giữa bên mua là ông Bùi Xuân T3, bên bán là ông Nguyễn Xuân K (SN:01/6/1976), HKTT: lô 0BT4 ô số X BLĐ mở rộng, p ĐK, HM, Hà Nội) ngày 12/5/2021 (01 tờ giấy A4).

- 01 hợp đồng mua bán xe ô tô Nisan NP300 Navara, BKS 29H-202.79 giữa bên mua là ông Nguyễn Xuân Khẩn, bên bán là Cty Cổ phần TVTK và XD Khải Bảo, trụ sở thôn NA, xã LN, huyện TT, Hà Nội ngày 10/01/2021 (02 tờ giấy A4).

- 01 bản thanh lý TSCĐ (xe ô tô Nisan NP 300 Navara) của Công ty Cổ phần TVTK và XD Khải Bảo (01 tờ giấy A4)

- 01 Quyết định về việc thanh lý tài sản (xe ô tô Nisan NP 300 Navara (01 tờ A4) của Công ty Khải Bảo.

- 01 hoá đơn giá trị gia tăng (thanh lý xe ô tô Nisan NP 300 Navara).

- 01 tờ giấy A4 in hình ảnh thông báo giải chấp của ngân hàng TP bank đối với xe ô tô Nisan Navara.

Sau khi giám định, Cơ quan điều tra đã trả lại ông Duy Đức T1 01 hợp đồng mua bán xe ô tô Nisan NP 300 Navara, màu nâu, BKS 29H-020.79, bên mua: ông Duy Đức T1, bên bán: Cty Cổ phần TVTK và XD Khải Bảo (bản gốc); Trả lại bà Văn Thị Lan V – SN 1980 (vợ bị can Nguyễn Đình T) 01 con dấu của Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Khải Bảo.

Quá trình điều tra, ông K đã trả lại ông T3 số tiền bỏ ra mua xe. Gia đình Nguyễn Đình T đã trả cho ông K số tiền T vay của ông K. Ông K, Ông T3 không yêu cầu gì khác.

Bản kết luận định giá tài sản số 150/ KLGĐ/HĐĐGTS ngày 26/9/2020 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận ô tô nhãn hiệu Nisan Navara NP 300 mầu nâu, BKS: 29H-020.79 của ông Duy Đức T1 trị giá 345.000.000 đồng.

Người bị hại ông Duy Đức T1 đề nghị được nhận lại chiếc xe ô tô Nisan NP 300 Navara, BKS 29H-202.79 và yêu cầu Nguyễn Đình T phải bồi thường

tiền khấu hao xe 180.000.000 đồng và 162.500.000 đồng tiền thuê xe từ tháng 9/2020 đến tháng 10/2021 là 13 tháng x 12.500.000 đồng/tháng do không có phương tiện đi lại trong thời gian bị cáo trộm cắp xe. Ông T1 đã cung cấp Hợp đồng thuê xe và các phiếu thu và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có ý yêu cầu gì về phần dân sự.

Chị Văn Thị Lan V trình bày sau khi sự việc xảy ra chị đã trả tiền cho ông Nguyễn Xuân K, chị không yêu cầu bị cáo trả lại và không có ý kiến gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2022/HSST ngày 12/04/2022 của Tòa án Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 08 (Tám) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/08/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Duy Đức T1 số tiền 162.500.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 20/04/2022, bị hại kháng cáo bản án số 53/2021/HSST ngày 12/04/2022 của Tòa án nhân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đề nghị xem xét lại hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và bồi thường phần khấu hao xe.

Ngày 26/4/2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội kháng nghị đề nghị hủy phần bồi thường dân sự cho bị hại, dành quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác cho các đương sự khi các bên có yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị hại đúng về mặt chủ thể và thời hạn theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo về mặt hình thức. Kháng nghị của Viện kiểm sát đúng về mặt chủ thể và thời hạn theo quy định tại Điều 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng nghị về mặt hình thức.

Về tội danh, hình phạt: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 08 (Tám) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị hại rút kháng cáo đề nghị xem xét về tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử về phần kháng cáo về hình sự.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị hủy phần bồi thường dân sự cho bị hại, dành quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại yêu cầu bồi thường tiền thuê xe để đi lại trong thời gian mất xe và cung cấp tài liệu liên quan. Tòa án tuyên buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiền thuê xe là có căn cứ. Áp dụng điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 584, điều 585, điều 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường số tiền 162.000.000 đồng của bị cáo, bị hại. Không chấp nhận kháng cáo bổ sung của bị hại yêu cầu bồi thường 155.000.000 đồng. Rút kinh nghiệm về việc bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường nhưng không áp dụng điều luật. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Đại diện bị hại trình bày: Rút kháng cáo đề nghị xem xét hành vi của bị cáo mang xe ô tô đi bán là có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đồng ý về tội danh "Trộm cắp tài sản" và hình phạt 08 (Tám) năm tù của bản án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Về bồi thường dân sự: Đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải bồi thường tiền thuê xe từ tháng 9/2020 đến tháng 10/2021 là 13 tháng x 12.500.000 đồng = 162.500.000 đồng. Đại diện bị hại yêu cầu bồi thường tiền khấu hao xe và yêu cầu bị cáo phải trả thêm số tiền bị hại phải tiếp tục thuê xe từ tháng 11/2021 cho tháng 9/2022 là 155 triệu.

- Bị cáo trình bày: Đồng ý về tội danh và hình phạt của bản án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Về bồi thường dân sự: Bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 162.500.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Không đồng ý bồi thường số tiền 155 triệu đồng theo yêu cầu của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội có quyết định kháng nghị; bị hại có đơn kháng cáo là đúng chủ thể và trong thời hạn luật định, được chấp nhận về hình thức.

[2] Về tội danh và hình phạt:

- *Về tội danh*: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình T thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các Biên bản xác minh; Bản kết luận giám định và các tài

liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Sáng ngày 04/9/2020 tại trước cửa nhà số X VP, phường NK, quận BĐ, thành phố Hà Nội, Nguyễn Đình T sau khi quan sát xung quanh thấy nhà ông Duy Đức T1 khoá cửa, không ai để ý, T đã dùng chìa khoá xe ô tô còn giữ để mở khoá xe ô tô Nisan Navara BKS 29H-020.79 của anh Duy Đức T1 trị giá 345.000.000 đồng, nổ máy điều khiển xe đến bãi xe trong khu đô thị số 234 đường Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm gửi. Toà án nhân dân quận Ba Đình đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật.

- *Về hình phạt*: Toà án cấp sơ thẩm sau khi đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 08 (Tám) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình: Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình kháng nghị đề nghị hủy phần bồi thường dân sự cho bị hại, dành quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác. Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội rút kháng nghị nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

[4] Xét kháng cáo của bị hại:

- Tại phiên toà, đại diện bị hại rút kháng cáo đề nghị xem xét hành vi của bị cáo làm giấy uỷ quyền cho ông Nguyễn Xuân K bán xe ô tô là có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo của bị hại về hình sự.

- Về trách nhiệm bồi thường: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị hại khai do bị mất xe nên phải thuê xe để đi lại từ 4/9/2020 đến tháng 10/2021. Bị hại yêu cầu bồi thường 13 tháng tiền thuê xe là 162.500.000 đồng. Tòa án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải bồi thường chi phí thuê xe cho bị hại là 13 tháng x 12.500.000 đồng = 162.500.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 162.500.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thoả thuận tự nguyện bồi thường giữa bị cáo và bị hại.

- Đối với yêu cầu bồi thường khấu hao xe và yêu cầu bị cáo phải trả thêm số tiền bị hại phải tiếp tục thuê xe từ tháng 10/2021 cho đến nay: Hội đồng xét xử nhận định khi xe đưa vào sử dụng thì phải chịu tổn thất khấu hao, bị hại được xem xét bồi thường tiền thuê xe 13 tháng và bị cáo đã đồng ý bồi thường nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu phần bồi thường khấu hao xe. Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện bị hại bổ sung kháng cáo yêu cầu bồi thường chi phí thuê xe 155.000.000 đồng từ tháng 11/2021 đến tháng 9/2022. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp xe ô tô ngày 04/9/2020, ngày

07/6/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ xe ô tô và hiện chiếc xe đang giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình. Bản án sơ thẩm đã tuyên trả lại xe ô tô cho bị hại, do bản án chưa có hiệu lực nên Cơ quan Thi hành án dân sự chưa trả tài sản. Đây không phải lỗi của bị cáo. Mặt khác, đây cũng là yêu cầu mới của đại diện bị hại chưa được Toà án cấp sơ thẩm xét xử, nội dung yêu cầu bồi thường này làm xấu hơn tình trạng của bị cáo, làm mất quyền kháng cáo của bị cáo và không đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử. Căn cứ Điều 342, Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận yêu cầu bổ sung kháng cáo của đại diện bị hại.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị cáo không kháng cáo; bị hại rút kháng cáo về hình sự, bị hại không kháng cáo phần quyết định về dân sự của bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo bổ sung của bị hại, do đó bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 53/2022/HS-ST ngày 12/04/2022 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội về tội danh và hình phạt. Cụ thể:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/08/2021.

[2] Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đề nghị hủy phần bồi thường dân sự cho bị hại; Đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị hại về hình sự.

[3] Về bồi trách nhiệm thường dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 5 Điều 275; Điều 357, Điều 468; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 162.500.000 (Một trăm sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng của bị cáo, bị hại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ Điều 342, Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo bổ sung của bị hại yêu cầu bồi thường chi phí thuê xe là 155.000.000 đồng từ tháng 11/2021 đến tháng 9/2022.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm e, g khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Về hiệu lực thi hành bản án: Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- CQ THAHS TP Hà Nội;
- CQCSĐT quận Ba Đình;
- VKSND quận Ba Đình;
- TAND quận Ba Đình;
- CQTHADS quận Ba Đình;
- Trại TG số 1 – CATPHN;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Hiếu